

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DS-ST

Ngày: 02-04-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Phục

2. Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 03 và ngày 02 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS, ngày 11/03/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trang Hoàng M

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Trang Huỳnh Minh

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang, là người được ủy quyền tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 31/5/2018. Có mặt.

2. Bị đơn: Đinh Thị Đ

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là ông Trang Hoàng M trình bày:

Vào ngày 19 tháng 11 năm 2016, nguyên đơn có cho bị đơn là Đinh Thị Đ vay số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thỏa thuận trong 10

ngày bị đơn trả lại và đến ngày 13/12/2016 tiếp tục cho bà Đ vay với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) hai bên thỏa thuận nếu nguyên đơn lấy lại tiền thì phải báo cho bị đơn trước 01 tháng.

Qua nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền trên thì bị đơn hứa và cam kết trả nợ nhưng không thực hiện và cố tình trốn tránh trách nhiệm trả tiền, nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Đinh Thị Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bị đơn là bà Đinh Thị Đ nhưng bà Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại Khoản 3, Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Đinh Thị Đ đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đúng với địa chỉ bị đơn cư trú, đồng thời cũng đúng theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng (biên nhận vay tiền), nay bị đơn đã bỏ nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú thì được coi là bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ kiện theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trang Huỳnh M trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa trình bày như sau: Nguyên đơn là ông Trang Hoàng M có cho bị đơn vay 02 lần với tổng số tiền là

70.000.000 đồng, cụ thể: lần 1 vào ngày 19/11/2016 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả là 10 ngày; lần 2 vào ngày 13/12/2016 vay số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả. Cả hai lần vay đều thỏa thuận lãi suất là 50.000đ/1.000.000đ/tháng, đều có làm biên nhận có chữ ký của bị đơn. Sau khi vay, phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn 13.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 20.000.000 đồng và trả 30.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 50.000.000 đồng. Tổng cộng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 43.000.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu nguyên đơn trả cho nguyên đơn 70.000.000đ tiền vốn và đồng ý khấu trừ số tiền lãi mà bị đơn đã trả. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 02 biên nhận lập ngày 19/11/2016 và ngày 13/12/2016.

Từ khi thụ lý, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến nay bị đơn cũng không có lời trình bày hoặc văn bản nào phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó đã có căn cứ chứng minh nội dung hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn như lời trình bày của đại diện nguyên đơn là có thật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay là có căn cứ.

[4] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất là 50.000đ/1.000.000đ/tháng (tương đương 5%/tháng). Đại diện nguyên đơn trình bày từ khi vay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 43.000.000 đồng tiền lãi, bị đơn vắng mặt nên không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã đóng lãi cho nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận theo sự thừa nhận của đại diện nguyên đơn, ghi nhận bị đơn đã đóng lãi cho nguyên đơn với số tiền là 43.000.000 đồng. Xét mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận là cao hơn so với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 điều chỉnh mức lãi suất trước ngày 01/01/2017 là không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, tương đương 1,125%/tháng (0,0375%/ngày) và lãi suất từ ngày 01/01/2017 là không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tương đương 1,667%/tháng (0,05556%/ngày). Với mức lãi suất trên, số tiền lãi mà bị đơn phải trả là:

Đối với khoản vay 20.000.000đ được tính lãi từ ngày 19/11/2016 đến ngày 31/12/2016 là 42 ngày: $20.000.000đ \times 0,0375\% \times 42 = 315.000đ$.

Đối với khoản vay 50.000.000đ được tính lãi từ ngày 13/12/2016 đến ngày 31/12/2016 là 18 ngày: $50.000.000đ \times 0,0375\% \times 18 = 337.500đ$.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/4/2019) là 821 ngày, lãi suất được tính trên số nợ gốc 70.000.000đ: $70.000.000đ \times 0,05556\% \times 821 = 31.930.332đ$.

Như vậy, tổng cộng tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 32.582.832đ.

Do bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 43.000.000đ, số tiền này là cao hơn so với số tiền lãi mà bị đơn phải trả là 10.417.168đ nên cần được khấu trừ vào số tiền vốn bị đơn còn nợ lại là: 70.000.000đ - 10.417.168đ = 59.582.832đ.

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn là bà Đinh Thị Đ phải trả cho ông Trang Hoàng M số tiền là 59.582.832đ (năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi hai nghìn tám trăm ba mươi hai đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Đ phải nộp 2.979.142đ (hai triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bốn mươi hai đồng). Ông Trang Hoàng M được nhận lại 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016562 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tùng